

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Tháng 08 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2019	5 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2019 ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh tổng hợp doanh giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	12 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Solavina trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Solavina (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018.

Tên viết tắt là: SOLAVINA.,JSC

Mã cổ phiếu: SVN

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 8, số 71 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018 là 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ đồng).

Sau ngày 30/6/2019, các cổ đông lớn của Công ty đã có các giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Tại ngày 01/08/2019, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Ông Đậu Phi Thích nắm giữ 4.930.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 23,48%;
- Ông Nguyễn Sỹ Cường nắm giữ 4.423.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,06%;
- Ông Nguyễn Bá Thức nắm giữ 4.225.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,12%;
- Ông Hoàng Thanh Tùng nắm giữ 1.299.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,19%;
- Ông Lê Mạnh Quân nắm giữ 928.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,42%;
- Tổ chức và cổ đông khác nắm giữ 5.192.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,73%.

Báo cáo tài chính này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của 03 đơn vị sau:

- Văn phòng Công ty CP Solavina tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk;
- Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Kon Tum;
- Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Nông.

Văn phòng Công ty CP Solavina tại Hà Nội

Văn phòng Công ty CP Solavina tại Hà Nội hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018.

Trụ sở văn phòng tại Tầng 8, số 71 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0101612880-002.

Trụ sở chi nhánh tại Số 185 Giải Phóng, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Đắk Lắk.

Giám đốc chi nhánh: Bà Hoàng Thị Thọ.

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Kon Tum

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Kon Tum hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0101612880-003.

Trụ sở chi nhánh tại Thôn Măng Đen, Xã Đắk Long, Huyện Kon Plông, Kon Tum.

Giám đốc chi nhánh: Ông Vũ Trọng Long.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Đắk Nông

Chi nhánh Công ty CP Solavina tại Kon Tum hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0101612880-004. Trụ sở chi nhánh tại Tổ 2, đường Nguyễn Tất Thành, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông. Giám đốc chi nhánh: Ông Nguyễn Đức Cường

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Để phù hợp với hoạt động quản trị của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23/8/2019 đã đưa ra thông báo thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Theo đó, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT		
Bà Trần Thị Chinh	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Ông Lê Trường Sơn	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên HĐQT		23/08/2019
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Sỹ Cường	Thành viên HĐQT	23/08/2019	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	23/08/2019	
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	23/08/2019	
Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HĐQT	23/08/2019	
Ban giám đốc			
Ông Nguyễn Hồng Quang	Giám đốc		
Ban Kiểm Soát			
Bà Lý Thị Thu Hương	Trưởng ban kiểm soát		23/08/2019
Ông Cao Đình Huỳnh	Thành viên ban kiểm soát		23/08/2019
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên ban kiểm soát		23/08/2019
Kế toán trưởng			
Bà Lê Thị Minh Thu			

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài việc thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hồng Quang
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Số: 739/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘVề Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Solavina
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**Kính gửi: Các Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Solavina**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Solavina, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2019, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Số dư tiền mặt và hàng tồn kho của Công ty đang trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2019 lần lượt là 1.539.570.715 đồng và 10.746.060.675 đồng. Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 30/6/2019 do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên của Công ty sau ngày này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế, kiểm kê bổ sung tại ngày soát xét do các chi nhánh của Công ty hoạt động tại các khu vực địa lý rất xa nhau. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định tính hiện hữu, giá trị hợp lý của các số dư trên và không thể đánh giá các ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Như trình bày tại thuyết minh 5.03, Công ty ký các hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với các cá nhân, thỏa thuận bao tiêu thu mua sản phẩm nghệ là nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 30/6/2019, Công ty đã tạm ứng 68,81 tỷ đồng bằng tiền mặt cho các cá nhân trên. Khi xem xét các hợp đồng liên kết, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá mức sinh lời hoặc rủi ro có thể xảy ra từ sự hợp tác này. Do đó chúng tôi không đánh giá và đưa ra các điều chỉnh vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 của Công ty.

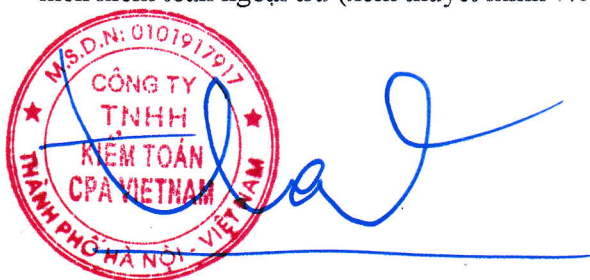
Theo thuyết minh 5.07, giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn là 71,34 tỷ đồng được thực hiện theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty từ những năm trước. Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2019. Do hạn chế về hồ sơ tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư, nên chúng tôi không đủ cơ sở để xác định giá trị hợp lý, đánh giá giá trị tồn thất hoặc khả năng thu hồi đối với các khoản đầu tư trên. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của các khoản đầu tư tài chính dài hạn, cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty.

Kết luận kiểm toán ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

- Công ty bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng theo quyết định số 19977/QĐ-CCCT-QLN ngày 19/9/2017 của Chi cục thuế quận Hoàn Kiếm do nợ tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp. Liên quan đến sự kiện này, ngày 04/06/2019, Công ty đã ký Biên bản đơn đốc nợ thuế của Chi cục thuế và cam kết sẽ nộp tiền thuế nợ đọng theo quy định để giải tỏa cưỡng chế. Trong tháng 6/2019, Công ty đã nộp trả một phần nợ thuế Thu nhập doanh nghiệp số tiền 500 triệu đồng, số còn phải nộp là hơn 2,1 tỷ đồng.
- Ngày 26/6/2019, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 697/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Solavina (mã chứng khoán: SVN) ra khỏi diện bị ngừng giao dịch, chuyển sang diện bị kiểm soát kể từ ngày 28/6/2019. Theo đó, cổ phiếu của Công ty được giao dịch hạn chế vào các phiên thứ Sáu hàng tuần.
- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ (xem thuyết minh 7.04)



Phan Huy Thăng**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		158.509.843.879	159.238.894.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	1.567.272.057	2.368.772.831
1. Tiền	111		1.567.272.057	2.368.772.831
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.142.860.896	146.140.375.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	25.771.680.000	77.239.194.888
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	68.810.000.000	68.840.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	51.561.180.896	61.180.896
III. Hàng tồn kho	140		10.746.060.675	10.677.410.577
1. Hàng tồn kho	141	5.05	10.746.060.675	10.677.410.577
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.650.251	52.335.677
1. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.10	53.650.251	52.335.677
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.719.061.511	71.816.813.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.500.000	76.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	76.500.000	76.500.000
II. Tài sản cố định	220		34.775.962	42.503.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	34.775.962	42.503.956
- Nguyên giá	222		77.279.929	77.279.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.503.967)	(34.775.973)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.07	71.340.000.000	71.340.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		27.520.000.000	27.520.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.820.000.000	43.820.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260	5.08	267.785.549	357.809.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		267.785.549	357.809.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		230.228.905.390	231.055.708.325

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	TM	30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	9.930.719.323	10.430.719.323
I. Nợ ngắn hạn	310	9.930.719.323	10.430.719.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 5.09	7.460.512.500	7.460.512.500
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.10	2.346.788.157	2.846.788.157
3. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.11	106.143.090	106.143.090
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17.275.576	17.275.576
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	220.298.186.067	220.624.989.002
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.12	220.298.186.067	220.624.989.002
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	210.000.000.000	210.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	87.934.868	87.934.868
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	136.465.222	136.465.222
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.073.785.977	10.400.588.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10.400.588.912	9.420.243.222
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	(326.802.935)	980.345.690
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	230.228.905.390	231.055.708.325

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thu

Giám đốc




Nguyễn Hồng Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán	Kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	6.372.160.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	-	6.372.160.000
4. Giá vốn hàng bán		11 6.2	-	6.137.713.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	-	234.446.880
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21 6.3	6.502	40.094.210
7. Chi phí tài chính		22 6.4	-	38.239.229
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	38.239.229
8. Chi phí bán hàng		25	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26 6.5	326.809.437	1.322.901.952
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	(326.802.935)	(1.086.600.091)
11. Thu nhập khác		31	-	15.600.000
12. Chi phí khác		32	-	700.000
13. Lợi nhuận khác		40	-	14.900.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	(326.802.935)	(1.071.700.091)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60	(326.802.935)	(1.071.700.091)

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thu

Giám đốc



Nguyễn Hồng Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
			ngày 30/06/2019 VND	30/06/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(326.802.935)	(1.071.700.091)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		7.727.994	80.999.268
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.502)	(40.094.210)
- Chi phí lãi vay	06		-	38.239.229
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(319.081.443)	(992.555.804)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.799.686)	41.880.818.521
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.650.098)	(4.715.251.562)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		-	(45.074.989.807)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		90.023.951	592.000.155
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(38.239.229)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(801.507.276)	(8.348.217.726)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	10.163.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		6.502	40.094.210
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.502	10.203.094.210
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(99.999.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(99.999.996)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(801.500.774)	1.754.876.488
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.368.772.831	2.076.037.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.567.272.057	3.830.914.224

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Hà

Lê Thị Minh Thu



Nguyễn Hồng Quang

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Solavina (gọi tắt là “ Công ty”) là công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018.

Tên giao dịch bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Solavina

Tên viết tắt là: SOLAVINA.,JSC

Mã cổ phiếu: SVN

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 8, số 71 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018 là 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ đồng).

Sau ngày 30/6/2019, các cổ đông lớn của Công ty đã có các giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Tại ngày 01/08/2019, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Ông Đậu Phi Thích nắm giữ 4.930.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 23,48%;
- Ông Nguyễn Sỹ Cường nắm giữ 4.423.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,06%;
- Ông Nguyễn Bá Thức nắm giữ 4.225.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20,12%;
- Ông Hoàng Thanh Tùng nắm giữ 1.299.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,19%;
- Ông Lê Mạnh Quân nắm giữ 928.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,42%;
- Tổ chức và cổ đông khác nắm giữ 5.192.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,73%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Gia công, chế tạo, lắp đặt các sản phẩm cơ khí, kết cấu kim loại, các thiết bị xây dựng, các cấu kiện cho các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn tổng hợp;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đường thủy nội địa;
- Sản xuất máy chuyên dụng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ vàng, rác thải, phế liệu);
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; cây giống lâu năm;
- Tư vấn chuyên giao công nghệ giống cây dược liệu, giống cây lâm nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác, chế biến, mua bán các loại khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Đại lý du lịch;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Sản xuất thực phẩm chức năng; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Xây dựng công trình thủy; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời;
- Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá hàng hóa);
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sản xuất, mua bán giống cây dược liệu, cây gia vị;
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn nông, lâm, thủy sản;
- Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử; máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; thiết bị truyền thông; sản phẩm điện tử dân dụng.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, tiền gửi có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nguyên liệu, hàng hóa mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ kinh doanh, các thành phẩm hoàn thành và đang trong quá trình sản xuất dở dang.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Dự phòng Hàng tồn kho được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn, được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN theo qui định của Luật thuế hiện hành nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp, Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh thu nhập tính thuế làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	1.539.570.715	2.339.800.589
Tiền mặt tại văn phòng công ty	357.532.071	978.505.945
Tiền mặt tại chi nhánh Đắk Lắk	347.449.649	438.927.649
Tiền mặt tại chi nhánh Đắk Nông	719.274.450	807.052.450
Tiền mặt tại chi nhánh Kontum	115.314.545	115.314.545
Tiền gửi ngân hàng	27.701.342	28.972.242
Tiền gửi ngân hàng tại văn phòng công ty	5.549.522	7.101.868
Tiền gửi ngân hàng tại chi nhánh Đắk Lắk	1.424.204	1.769.358
Tiền gửi ngân hàng tại chi nhánh Đắk Nông	626.600	-
Tiền gửi ngân hàng tại chi nhánh Kontum	20.101.016	20.101.016
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	1.567.272.057	2.368.772.831

5.02 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
LIJIAN	7.015.080.000	7.015.080.000
HWANG WEIWEI	8.202.000.000	8.202.000.000
LIANG QIANG	7.237.100.000	7.237.100.000
TIAN HONGBING	3.317.500.000	3.317.500.000
Ông Đoàn Quang Ánh	-	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Lộc Việt Hà	-	1.467.514.888
Cộng	25.771.680.000	77.239.194.888

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ong Vũ Văn Hòa	2.620.000.000	2.620.000.000
Ong Đỗ Huy Mạc	2.660.000.000	2.660.000.000
Ong Nông Văn Huy	2.620.000.000	2.620.000.000
Bà Đỗ Thị Huê	2.610.000.000	2.610.000.000
Ong Nguyễn Văn Thân	2.370.000.000	2.370.000.000
Ông Trần Văn Khánh	2.670.000.000	2.670.000.000
Bà Lò Thị Ngưu	2.620.000.000	2.620.000.000
Ông Trần Huy Bảo	2.200.000.000	2.200.000.000
Bà Lương Thị Vân	2.640.000.000	2.640.000.000
Ông Vũ Thành Bảo	2.410.000.000	2.410.000.000
Ông Phùng Quang Hợp	2.620.000.000	2.620.000.000
Ông Đồng Văn Quang	4.120.000.000	4.120.000.000
Ông Võ Văn Cường	3.980.000.000	3.980.000.000
Ông Nguyễn Văn Trang	4.180.000.000	4.180.000.000
Bà Trần Thị Hoa	8.100.000.000	8.100.000.000
Ông Dương Văn Phương	4.050.000.000	4.050.000.000
Bà Nguyễn Thị Thân	4.120.000.000	4.120.000.000
Bà Dương Thị Huế	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Ninh	4.000.000.000	4.000.000.000
Ông Nông Tiến Kiến	4.000.000.000	4.000.000.000
Các đối tượng khác	220.000.000	250.000.000
Cộng (*)	68.810.000.000	68.840.000.000

(*) Công ty ký các hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với các cá nhân và đã tạm ứng bằng tiền mặt cho các cá nhân trên. Công ty thỏa thuận bao tiêu thu mua sản phẩm nghệ là nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.04 Phải thu khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	51.561.180.896	61.180.896
Tạm ứng công tác	1.532.186.656	32.186.656
Hợp tác đầu tư với đơn vị khác (*)	50.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	28.994.240	28.994.240
Dài hạn	76.500.000	76.500.000
Ký quỹ, ký cược	76.500.000	76.500.000
Cộng	51.637.680.896	137.680.896

(*) Khoản đầu tư vào Dự án “Xây dựng nhà máy phát triển Dược liệu Việt” theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/1203/2019/HĐHT/TT-SOLA ngày 12/3/2019 giữa Công ty CP Solavina với Công ty CP Đầu tư Thương mại Thanh Thủy. Theo nội dung hợp đồng, địa điểm thực hiện dự án tại Lô D, Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tổng mức đầu tư của dự án là 86.015.000.000 đồng. Trong đó, Công ty CP Solavina góp 58,13% tương đương 50.000.000.000 đồng; Công ty CP Đầu tư Thương mại Thanh Thủy góp 41,87% tương đương 36.015.000.000 đồng. Việc phân chia lợi nhuận (lãi/lỗ) theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Dự án, các bên thống nhất sẽ trích lại một khoản lợi nhuận để thanh toán chi phí khai thác kinh doanh dự án và lập quỹ tái đầu tư.

Hiện tại, Dự án chưa bắt đầu khởi công, các bên đang hoàn thiện thủ tục, hồ sơ pháp lý của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.05 Hàng tồn kho**

Đơn vị: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	84.554.903	-	84.554.903	-
Công cụ, dụng cụ	66.842.958	-	66.842.958	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.647.456.718	-	1.578.806.620	-
Thành phẩm	337.076.457	-	337.076.457	-
Hàng hóa	8.610.129.639	-	8.610.129.639	-
Tổng	10.746.060.675	-	10.677.410.577	-

5.06 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	77.279.929	77.279.929
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>77.279.929</u>	<u>77.279.929</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	34.775.973	34.775.973
Tăng trong kỳ	7.727.994	7.727.994
Khấu hao trong kỳ	7.727.994	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	<u>42.503.967</u>	<u>42.503.967</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	<u>42.503.956</u>	<u>42.503.956</u>
Tại ngày 30/06/2019	<u>34.775.962</u>	<u>34.775.962</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÁU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**507 Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	27.520.000.000	-	27.520.000.000	-
Công ty CP Dược liệu Solavina Hòa Bình (1)	27.520.000.000	-	27.520.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	43.820.000.000	-	43.820.000.000	-
Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam (2)	36.800.000.000	-	36.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật (3)	3.420.000.000	-	3.420.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công (4)	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Cộng	71.340.000.000	-	71.340.000.000	-

Đơn vị: VND

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các đơn vị nhận đầu tư chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại, Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2019.

(1) Tại ngày 30/06/2019, Công ty nắm giữ 2.752.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 41,23% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình. Khoản đầu tư thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 93/2016/NQHĐQT-SOLA ngày 23/9/2019 về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình với số tiền tham gia góp vốn ban đầu là 69.750.000.000 đồng, chiếm 75% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình. Tại ngày 31/12/2017, Công ty nắm giữ 6.308.764 cổ phần, tương ứng 68% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình. Tháng 11/2018, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 3.588.000 cổ phần của Công ty này để chuyển hướng đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam;

(2) Công ty nắm giữ 368.000 cổ phần, mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần, tương ứng 7,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam. Số cổ phần này công ty mua lại của Bà Trần Thị Thu Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCN/MCP-/SOLA ngày 13/12/2018;

(3) Công ty nắm giữ 342.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật. Khoản đầu tư thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 212/2015/NQHĐQT-SOLA ngày 02/12/2015 về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật;

(4) Công ty nắm giữ 360.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công. Khoản đầu tư thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 712/2015/NQHĐQT-SOLA ngày 07/12/2015 về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công;

Tại ngày 30/06/2019, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.08 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	153.553.512	6.385.034
Chi phí thương hiệu sản phẩm	68.650.099	137.300.196
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.581.939	214.124.270
Cộng	267.785.549	357.809.500

5.09 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Bà Phạm Thị Hằng	2.183.032.500	2.183.032.500	2.183.032.500	2.183.032.500
Ông Vũ Văn Tĩnh	4.046.640.000	4.046.640.000	4.046.640.000	4.046.640.000
Phải trả người bán khác	1.230.840.000	1.230.840.000	1.230.840.000	1.230.840.000
Tổng	7.460.512.500	7.460.512.500	7.460.512.500	7.460.512.500

Đơn vị: VND

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Nội dung	01/01/2019		Phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	44.069.971	52.335.677	-	1.314.574	44.069.971	53.650.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.603.540.190	-	-	500.000.000	2.103.540.190	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	199.177.996	-	5.000.000	5.000.000	199.177.996	-
Cộng	2.846.788.157	52.335.677	5.000.000	506.314.574	2.346.788.157	53.650.251

Đơn vị: VND

5.11 Phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
Phải trả khác ngắn hạn khác	58.000.000	58.000.000
Cộng	106.143.090	106.143.090

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.12 Vốn chủ sở hữu.

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018</i>					
Số dư tại ngày 01/01/2018	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	9.420.243.222	219.644.643.312
Tăng trong kỳ	-	-	-	(1.071.700.091)	(1.071.700.091)
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(1.071.700.091)	(1.071.700.091)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	8.348.543.131	218.572.943.221
<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</i>					
Số dư tại ngày 01/01/2019	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.400.588.912	220.624.989.002
Tăng trong kỳ	-	-	-	(326.802.935)	(326.802.935)
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	-	-	-	(326.802.935)	(326.802.935)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2019	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	10.073.785.977	220.298.186.067

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.12 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Tên cổ đông	30/6/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Bà Lê Thị Phương Nga	2.526.500	12,03%	2.526.500	12,03%
Ông Lê Việt Hùng	3.315.300	15,79%	3.315.300	15,79%
Ông Phạm Văn Khoa	1.444.300	6,88%	1.444.300	6,88%
Các tổ chức và các cổ đông khác	13.713.900	65,30%	13.713.900	65,30%
Tổng	21.000.000	100%	21.000.000	100%

- Ngày 26/6/2019, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 697/TB-SGDHN về việc đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Solavina (mã chứng khoán: SVN) ra khỏi diện bị ngừng giao dịch, chuyển sang diện bị kiểm soát kể từ ngày 28/6/2019. Theo đó, cổ phiếu của Công ty được giao dịch hạn chế vào các phiên thứ Sáu hàng tuần.
- Sau khi được phép giao dịch hạn chế, các cổ đông lớn của Công ty đã có các giao dịch chuyển nhượng cổ phần và tại ngày 01/08/2019, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

Tên cổ đông	01/8/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Đậu Phi Thích	4.930.300	23,48%
Ông Nguyễn Sỹ Cường	4.423.600	21,06%
Ông Nguyễn Bá Thức	4.225.600	20,12%
Ông Hoàng Thanh Tùng	1.299.800	6,19%
Ông Lê Mạnh Quân	928.300	4,42%
Các tổ chức và các cổ đông khác	5.192.400	24,73%
Tổng	21.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***d. Cổ phiếu*

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	6.372.160.000
Cộng	<u>-</u>	<u>6.372.160.000</u>

6.02 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Giá vốn của hàng bán	-	6.137.713.120
Cộng	<u>-</u>	<u>6.137.713.120</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU B 09a-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi	6.502	40.094.210
Cộng	6.502	40.094.210

6.04 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí lãi tiền vay	-	38.239.229
Cộng	-	38.239.229

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	270.000.000	498.626.459
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.295.838	50.320.967
Chi phí khấu Hao TSCĐ	7.727.994	73.271.274
Thuế, phí và lệ phí	6.177.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.816.324	598.143.000
Chi phí bằng Tiền khác	18.792.281	97.540.252
Cộng	326.809.437	1.322.901.952

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài việc thay đổi các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

7.02 Thông tin với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Việt Nhật	Góp vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Công	Góp vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Góp vốn đầu tư
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giá trị giao dịch VND
Ông Nguyễn Hồng Quang	1.500.000.000
<i>Tạm ứng</i>	<i>1.500.000.000</i>

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.03 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.567.272.057	2.368.772.831
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.409.360.896	77.376.875.784
Đầu tư dài hạn	71.340.000.000	71.340.000.000
Cộng	150.316.632.953	151.085.648.615
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.566.655.590	7.566.655.590
Cộng	7.566.655.590	7.566.655.590

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Các giao dịch của Công ty chủ yếu phát bằng đồng Việt Nam nên Công ty không gặp rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Trong kỳ, Công ty không phát sinh nghiệp vay nợ và tại ngày 30/6/2019 cũng không có số dư nợ. Do đó khi lãi suất trên thị trường có sự điều chỉnh cũng không gây ra rủi ro đáng kể cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng nghĩa vụ thanh toán đúng hạn dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty được quản lý thông qua việc theo dõi hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và đầu tư dài hạn vào đơn vị khác). Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và theo dõi sát sao để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.03 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ kế toán đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/6/2019		Cộng VND
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
Tổng tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.567.272.057	-	1.567.272.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.332.860.896	76.500.000	77.409.360.896
Đầu tư dài hạn	-	71.340.000.000	71.340.000.000
Cộng	78.900.132.953	71.416.500.000	150.316.632.953
Tổng công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.566.655.590	1.293.854.628	8.860.510.218
Cộng	7.566.655.590	1.293.854.628	8.860.510.218
Chênh lệch thanh khoản thuần	71.333.477.363	70.122.645.372	141.456.122.735

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOLAVINA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a-DN

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.04 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán đều đưa ra ý kiến ngoại trừ ở các vấn đề sau:

- Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ 50 tỷ đồng của ông Đoàn Quang Ảnh để trích lập dự phòng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần (của Công ty cổ phần Đầu tư Merci Việt Nam) cho Công ty Cổ phần Dầu thực vật Sài Gòn số tiền 77,53 tỷ đồng. Công ty đã đầu tư 32,66 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Dược liệu Solavina Hòa Bình, chuyển 43,312 tỷ đồng vào 3 chi nhánh của mình. Các đơn vị này đã dùng khoản tiền trên để ký hợp đồng hợp tác trồng và bao tiêu sản phẩm cây nghệ với nhiều cá nhân và đã tạm ứng cho họ bằng tiền mặt.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Trần Thị Hà

Kê toán trưởng

Lê Thị Minh Thu

Giám đốc



Nguyễn Hồng Quang